

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

***ĐỀ TÀI: SỨC LAO ĐỘNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI
DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT
NAM***

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Trà My

Lớp : K23ATCC

Mã sinh viên : 23A7510087

Hà nội, ngày 14 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	3
NỘI DUNG	4
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ SỨC LAO ĐỘNG	4
1.Sức lao động là gì?.....	4
2.Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa.....	4
3.Cấu thành giá trị của hàng hóa sức lao động	4
CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM.....	6
1.Tình hình lao động và việc làm trước dịch bệnh Covid – 19.....	6
2.Ảnh hưởng, tác động của Covid - 19 đến lao động và việc làm.....	8
2.1 Tác động của dịch COVID-19 đến lực lượng lao động	8
2.2 Tác động của dịch COVID-19 đến lao động có việc làm	10
2.3 Tác động của dịch Covid -19 đến thất nghiệp và thiếu việc làm	11
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG SAU KHỦNG KHOẢNG ĐẠI DỊCH COVID 19.....	12
KẾT LUẬN.....	14
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	15

MỞ ĐẦU

Như mọi người đã biết, nền kinh tế thị trường đã giúp cho Việt Nam nói riêng và các nước trên Thế Giới nói chung phát triển không ngừng trên mọi lĩnh vực, phương diện. Kinh tế thị trường là thành quả của văn minh nhân loại, được Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng một cách đúng đắn, khách quan, khoa học, sáng tạo, trở thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó nhấn mạnh vị trí, vai trò của con người chính là động lực và cũng là mục tiêu cao nhất của sự phát triển. Nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta nói riêng, có khả năng kích thích tính độc lập, sự năng động, tính hiệu quả, sự tự do sáng tạo, năng lực phát minh, sáng chế và sự áp dụng nhanh chóng các công nghệ mới nhất của con người vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường, kể cả nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại, không phải không có những hạn chế, những nhược điểm rất cơ bản, thậm chí cả những khuyết tật không dễ gì sửa chữa, một trong số đó chính là vấn đề về con người cụ thể hơn là sức lao động. Nền kinh tế này phải lấy con người làm động lực, đồng thời quan trọng hơn là phải lấy con người làm mục tiêu, tuy nhiên hiện nay nhiều nơi vẫn còn xảy ra nhiều mâu thuẫn không đáng có giữa người lao động và những nhà tư bản. Việc này đòi hỏi phải có những chính sách phù hợp để đôi bên cùng có lợi và hợp tác cùng phát triển. Ý thức được điều này nên em đã chọn đề tài: *“Sức lao động và sự tác động của đại dịch Covid19 đến thị trường lao động Việt Nam”* để mong có thể mang đến cho mọi người cái nhìn rõ hơn về vấn đề sức lao động trong xã hội hiện đại và sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan tác động đến nó.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ SỨC LAO ĐỘNG

1. Sức lao động là gì?

Sức lao động là một khái niệm trọng yếu trong kinh tế chính trị Mác-Lênin. Theo C.Mác, ông cho rằng: *“Sức lao động hay năng lực lao động là toàn bộ nhưng năng lực thể chất và tinh thần tồn tại trong cơ thể, trong một con người đang sống, và được người đó đem ra vận dụng mỗi khi sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó”*.

Nói cách khác, sức lao động là khả năng lao động con người, là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình sản xuất và là lực lượng sản xuất sáng tạo của xã hội. Tuy nhiên, sức lao động mới chỉ là khả năng lao động, còn lao động mới là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.

2. Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa

Trong bất kỳ xã hội nào, hàng hóa sức lao động cũng được xem là một loại hàng hóa đặc biệt, là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình sản xuất. Đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự vận hành và phát triển nền kinh tế đặc biệt trong ngành sản xuất. Nhưng không phải bao giờ sức lao động cũng là hàng hoá. Có hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:

Một là người lao động được tự do về thân thể.

Hai là người lao động không có đủ tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình để tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động.

Khi sức lao động trở thành hàng hóa, nó cũng có hai thuộc tính như hàng hóa thông thường. Đó là thuộc tính giá trị và thuộc tính giá trị sử dụng. Hàng hóa sức lao động được hiểu là một loại hàng hóa đặc biệt. Chúng mang trong mình những thuộc tính riêng và tất nhiên là phải liên kết chặt chẽ với sự tồn tại, phát triển của toàn nền kinh tế. Thêm vào đó thì sức lao động trở thành hàng hóa chính là một điều kiện tiên quyết trong việc hình thành nền kinh tế dạng tư bản. Đánh dấu một bước tiến quan trọng để tạo nên quyền tự do cá nhân và tạo ra sự phát triển cho nền kinh tế. Xét trên thực tế thì hàng hóa sức lao động đã có mặt từ trước thời điểm xã hội tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên chỉ đến lúc tư bản chủ nghĩa đã được hình thành thì chúng mới được khẳng định và trở nên phổ biến. Lúc này, sự cưỡng bức lao động đã biến mất, thay vào đó là các thoả thuận giữa người thuê và người bán sức lao động. Đây chính là tiền đề khiến chủ nghĩa tự do cá nhân phát triển, đánh dấu một sự tiến bộ vượt bậc của văn minh nhân loại.

Giá trị của hàng hóa sức lao động cũng do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra sức lao động quyết định.

3. Cấu thành giá trị của hàng hóa sức lao động

Xét về cấu thành, do hàng hóa sức lao động tồn tại trong con người đang sống, nên để sống và tái sản xuất sức lao động người lao động phải tiêu dùng lượng tư liệu sinh hoạt nhất định.

Do vậy thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động sẽ được quy thành thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà người lao động tiêu dùng. Tức là về cách tính, giá trị của hàng hóa sức lao động được đo lường gián tiếp thông qua lượng giá trị của các tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất ra sức lao động.

Cho nên cấu thành giá trị của hàng hóa sẽ bao gồm ba phần:

Một là giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết (cả vật chất, tinh thần) để tái sản xuất ra sức lao động.

Hai là phí tổn đào tạo người lao động.

Ba là giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết (vật chất và tinh thần) nuôi con của người lao động.

Nếu đúng theo quy tắc ngang giá trong nền kinh tế thị trường thì giá cả của hàng hóa sức lao động phải phản ánh lượng giá trị nêu trên. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động cũng là để thỏa mãn nhu cầu người mua. Khác với nhu cầu thông thường, khi sử dụng hàng hóa sức lao động, người mua hàng hóa sức lao động mong muốn thỏa mãn nhu cầu có được giá trị lớn hơn, giá trị tăng thêm. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động cũng chỉ thể hiện ra trong qui trình tiêu dùng sức lao động, tức là quá trình lao động của người công nhân. Nhưng quá trình sử dụng hay tiêu dùng hàng hóa sức lao động khác với quá trình tiêu dùng hàng hóa thông thường ở chỗ: hàng hóa thông thường sau qui trình tiêu dùng hay sử dụng thì cả giá trị lẫn giá trị sử dụng của nó đều tiêu biến mất theo thời gian. Trái lại, quá trình tiêu dùng hàng hóa sức lao động lại là quá trình sản xuất một loạt hàng hóa nào đó, đồng thời là quá trình sáng tạo giá trị mới

Hàng hóa sức lao động là loại hàng hóa đặc biệt. Nó mang yếu tố tinh thần và lịch sử. Do tầng lớp công nhân không đơn giản chỉ có nhu cầu về mặt vật chất mà họ còn luôn mong muốn được đáp ứng các yêu cầu về tinh thần khác như được vui chơi, được khích lệ hay được tôn trọng ... Và những nhu cầu này không hề cố định, chúng sẽ thay đổi tùy theo thời gian và xã hội. Nó cũng còn tùy thuộc hoàn cảnh lịch sử của từng nước, từng thời kỳ, phụ thuộc vào trình độ văn minh đã đạt được của mỗi nước, ngoài ra còn phụ thuộc vào tập quán, vào điều kiện địa lý và khí hậu, vào điều kiện hình thành giai cấp công nhân. Hơn thế giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động có tính năng đặc biệt mà không phải hàng hóa thông thường nào cũng có được. Hàng hóa sức lao động là một loại hàng hóa tạo ra giá trị thặng dư cho xã hội. Điều này thể hiện ở chỗ người lao động luôn tạo ra những hàng hóa khác có giá trị lớn hơn giá trị của sức lao động để đáp ứng nhu cầu và mục tiêu của người sử dụng lao động. Đây chính là chìa khóa chỉ rõ nguồn gốc của giá trị lớn hơn nêu trên do đâu mà có.

CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID 19 ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Thị trường lao động là một bộ phận của hệ thống thị trường, trong đó diễn ra quá trình trao đổi giữa một bên là người lao động tự do và một bên là người có nhu cầu sử dụng lao động. Sự trao đổi này được thoả thuận trên cơ sở mối quan hệ lao động như tiền lương, tiền công, điều kiện làm việc... thông qua một hợp đồng làm việc bằng văn bản hay bằng miệng.

Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế thế giới năm 2020. Theo đánh giá được công bố ngày 2/6 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), cuộc khủng hoảng thị trường lao động do đại dịch COVID-19 gây ra còn lâu mới kết thúc với tăng trưởng việc làm sẽ không đủ để bù đắp cho những thiệt hại, và tình trạng này ít nhất còn tiếp diễn đến năm 2023. Tại Việt Nam, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là lao động và việc làm. Nước ta đã trải qua 4 lần bùng phát dịch, tuy nhiên ở lần bùng phát thứ 4 này dịch diễn biến rất phức tạp.

Lĩnh vực lao động và việc làm đang trải qua những thay đổi lớn ở quy mô chưa từng có do sự chuyển dịch của một số yếu tố như sự cải tiến của công nghệ, tác động của biến đổi khí hậu, rủi ro dịch bệnh, v.v... ở cả cấp độ toàn cầu, khu vực và quốc gia. Mặc dù xu hướng toàn cầu hóa đang chứng kiến sự ngưng trệ và có phần đứt gãy, nhưng quá trình này vẫn tiếp tục có nhiều hàm ý quan trọng và có lợi cho sự phát triển công nghiệp của Việt Nam. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam từ tháng 1 năm 2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình lao động việc làm trong các ngành và tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong bối cảnh đó, lao động và việc làm ở khu vực sản xuất công nghiệp nói chung và khu công nghiệp ở Việt Nam nói riêng đang và sẽ chịu những tác động ở nhiều khía cạnh như: Thất nghiệp và mất an ninh việc làm tạm thời, Khởi tạo và chuyển đổi việc làm; Cách mạng số và đảm bảo việc làm trong cách mạng số; Chuyển đổi và bổ sung kỹ năng; Chuyển đổi tiêu chuẩn và công cụ bảo vệ người lao động; Thúc đẩy phát triển chiến lược lao động và an ninh việc làm trong bối cảnh mới. Kết quả điều tra lao động việc làm quý I/2021 ghi nhận cả nước có 9,1 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức và lao động thiếu việc làm đều tăng so với quý trước và cùng kỳ 2020. Điểm sáng đáng lưu ý nhất của thị trường lao động là sự gia tăng mức thu nhập từ công việc của người lao động so với quý trước và cùng kỳ 2020.

1. Tình hình lao động và việc làm trước dịch bệnh Covid – 19

Trước đại dịch Covid-19, theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2019 (công bố vào ngày 19/12/2019), có gần 88% dân số tham gia lực lượng lao động (có độ tuổi từ 25-59). Trong đó tỷ trọng dân số tham gia lực lượng lao động cao nhất là 14,3% (nhóm tuổi 25-29) và 14,2% ở nhóm tuổi 30-34 (giảm nhẹ). Tỷ trọng tham gia lực lượng lao động thấp, dưới 10% thuộc

về dân số ở nhóm tuổi 15-19, nhóm tuổi 20-24 và nhóm tuổi già (60 tuổi trở lên). Số lượng trong lực lượng lao động đã tốt nghiệp THPT trở lên chiếm tỉ lệ là 39,1% (tăng 13,5 điểm phần trăm so với 10 năm trước (2009)); số lượng lực lượng lao động đã được có bằng, chứng chỉ (từ sơ cấp trở lên) có tỉ lệ là 23,1%, trong đó, khu vực thành thị có số lượng cao cấp 2,5 lần so với khu vực nông thôn, tương ứng 39,3% và 13,6%. Trong khi đó, tỉ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo (có bằng, chứng chỉ) ở đồng bằng sông Hồng (cao nhất, 31,8%) và Đông Nam bộ (27,5%), và đồng bằng sông Cửu Long (thấp nhất, 13,6%).

Tỉ lệ thất nghiệp của dân số từ 15 tuổi trở lên ở mức thấp 2,05%. Ở khu vực nông thôn tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn gần 2 lần so với khu vực thành thị (1,64% và 2,93%). Đa số người thất nghiệp có độ tuổi từ 15-54 (chiếm 91,7% người thất nghiệp), trong đó, lao động có độ tuổi từ 15-24 có tỉ lệ thất nghiệp cao nhất chiếm 44,4% tổng số lao động thất nghiệp của cả nước

Qua số liệu thống kê, tỷ trọng việc làm theo ngành đã có sự dịch chuyển tích cực trong giai đoạn 2009 - 2019. Trong đó, tỉ trọng lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm (53,9% năm 2009, 46,3% năm 2014 và 35,3% vào năm 2019) còn tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ lại có xu hướng tăng, nhất là số lao động ở khu vực dịch vụ cao hơn số lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Với xu hướng dịch chuyển như vậy thì tỉ lệ lao động làm việc tại khu vực dịch vụ và công nghiệp sẽ sớm đạt được ngưỡng 70%. Ngoài ra, tỉ trọng lao động làm công việc giản đơn đã giảm mạnh so với 10 năm trước đây, trong khi đó, các nhóm nghề thu hút được nhiều số lao động tham gia như “dịch vụ cá nhân, bảo vệ và bán hàng” (18,3%), “thợ thủ công và các thợ khác có liên quan” (14,5%) và “thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị” (13,2%) trong tổng số lao động đang làm việc.

Tính đến 1/4/2019, Việt Nam có 96.208.984 người (Tổng cục Thống kê, 2019a), trong đó có gần 88% dân số tham gia lực lượng lao động trong độ tuổi từ 25-59, thì về chất lượng lao động còn rất nhiều tồn tại. Ngân hàng Thế giới khi tiến hành đánh giá thị trường lao động Việt Nam đã chỉ ra rằng chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đang ở mức thấp trong bậc thang năng lực quốc tế, thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Nhất là hiện nay, lao động Việt Nam còn thiếu và yếu về ngoại ngữ cũng như các kỹ năng mềm để có thể thích ứng khi làm việc theo nhóm, tác phong làm việc thiếu chuyên nghiệp và trách nhiệm (trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp) đồng thời kỷ luật lao động kém. Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật chỉ có 11,39 triệu lao động (trong tổng số lực lượng lao động là 54,56 triệu người) qua đào tạo có bằng/chứng chỉ (bao gồm các trình độ sơ cấp nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học), chiếm 20,92% tổng lực lượng lao động. Sau 10 năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng mạnh nhưng vẫn còn 76,9% người tham gia lực lượng lao động chưa được đào tạo chuyên môn.

Tương quan về số lượng lao động có trình độ đại học trở lên với các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề là 1-0,35-0,56-0,38. Điều này cho thấy

đây là cảnh báo về sự thiếu hụt kỹ sư thực hành và công nhân kỹ thuật bậc cao trong bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong khi đó, cơ cấu lao động có chuyên môn kỹ thuật vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường nên dẫn đến hiện tượng là nhiều lao động có chuyên môn kỹ thuật làm việc không đúng trình độ hoặc làm các công việc giản đơn (không liên quan đến ngành nghề được đào tạo) hoặc bị thất nghiệp trong thời gian vừa qua.

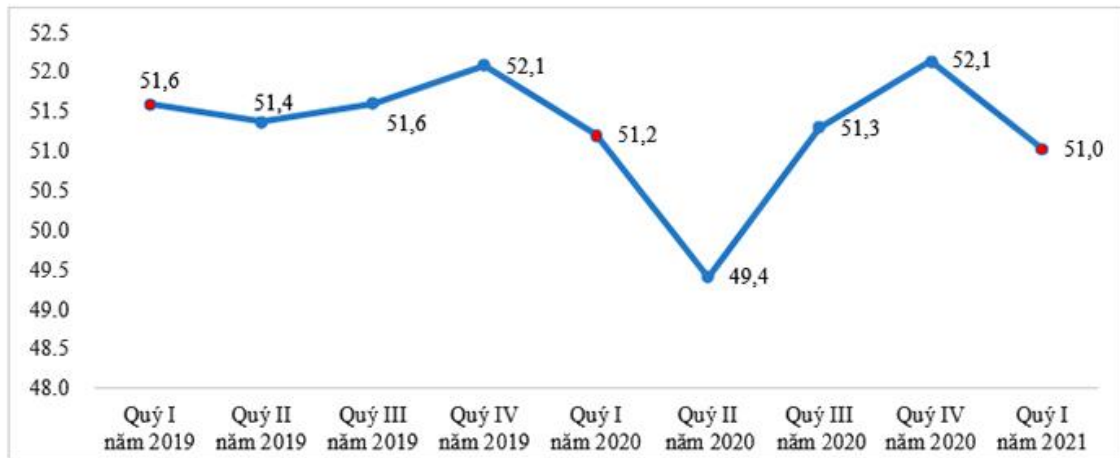
2. Ảnh hưởng, tác động của Covid - 19 đến lao động và việc làm

Đại dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam từ tháng 1 năm 2020 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình lao động và việc làm trong các ngành và tại tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, ảnh hưởng rõ rệt nhất vào quý II năm 2020 khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng xuất hiện và đặc biệt là việc áp dụng các quy định về giãn cách xã hội được thực hiện triệt để trong tháng 4 năm 2020. Tính đến tháng 9 năm 2020, cả nước có 31,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, trong đó gồm người bị mất việc làm, người phải nghỉ giãn việc/ngỉ việc luân phiên, bị giảm giờ làm hay giảm thu nhập... Có tới 68,9% người lao động bị giảm thu nhập (ở mức nhẹ), số người bị giảm giờ làm/ngỉ giãn cách/ngỉ luân phiên chiếm tới 40% người tham gia lao động, và số người buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng sản xuất kinh doanh chiếm tới 14%. Trong các khu vực kinh tế thì khu vực dịch vụ là chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 68,9% số lao động trong khu vực này bị ảnh hưởng. Ngoài ra trong các khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng bị ảnh hưởng với 66,4% và 27%.

Theo số liệu trong Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2020, mặc dù dịch bệnh, nhưng GDP trong 9 tháng năm 2020 tăng 2,12% (trong đó: quý I tăng 3,68%, quý II tăng 0,39% và quý III tăng 2.62%). Đây là mức tăng thấp nhất của 9 tháng của các năm trong giai đoạn 2011-2020. Mặc dù bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến vẫn phức tạp và có ảnh hưởng không tốt tới mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội, nhưng do các chính sách và các biện pháp mạnh, Việt Nam đã kiểm soát được, giúp cho công việc khôi phục kinh tế được thuận lợi. Cùng với sự đồng lòng quyết tâm của Đảng, Chính phủ và mọi người dân cũng như cộng đồng doanh nghiệp đã từng bước thực hiện có hiệu quả mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, có đến 1,84% của khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đóng góp vào mức tăng trưởng chung 13,62%, trong khi công nghiệp và xây dựng là 3,08%, đóng góp 58,35%, dịch vụ đóng góp là 28,03% (tăng 1,37%).

2.1 Tác động của dịch COVID-19 đến lực lượng lao động

Biểu đồ: Lực lượng lao động các quý, giai đoạn 2019-2021 (Đơn vị: Triệu người)



Nguồn: Hà Dung (2021), “*Đợt dịch Covid-19 lần thứ ba làm tăng đáng kể lao động thiếu việc làm*”, báo Nhân Dân điện tử.

Đại dịch Covid đã tác động làm thay đổi xu hướng biến động mang tính mùa vụ của lực lượng lao động giữa các quý trong năm. Ở các năm trước, giai đoạn 2016-2019, lực lượng lao động của quý đầu tiên trong năm luôn thấp nhất sau đó tăng dần ở các quý sau và đạt mức cao nhất vào quý IV. Năm 2020, lực lượng lao động bắt đầu giảm ở quý I, sau đó tiếp tục giảm mạnh và chạm đáy ở quý II và dần có sự phục hồi vào quý III và quý IV. Mặc dù có phục hồi nhưng lực lượng lao động đến quý IV năm 2020 vẫn chưa đạt được trạng thái ban đầu khi chưa có dịch. Số người thuộc lực lượng lao động trong quý này vẫn thấp hơn quý I gần 200 nghìn người.

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong 9 tháng, khu vực dịch vụ đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020. Dịch vụ kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm), dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm). Có thể nói, Covid -19 đã ảnh hưởng, tác động nghiêm trọng đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nhiều doanh nghiệp đến phá sản, giải thể, tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô... điều này ảnh hưởng trực tiếp tình hình lao động và việc làm.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I, II và quý III năm 2020 đều có sự thay đổi do tác động của dịch Covid-19. Tính đến tháng 12 năm 2020, cả nước có 32,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/ngỉ luân phiên,

giảm giờ làm, giảm thu nhập, ... Trong đó, 69,2% người bị giảm thu nhập, 39,9% phải giảm giờ làm/nghi giãn việc/nghi luân phiên và khoảng 14,0% buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Quý III năm 2020, lực lượng lao động trong độ tuổi lao động của Việt Nam có 48,6 triệu người, tăng 1,8 triệu người so với quý trước và giảm 638,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Khu vực thành thị có 16,5 triệu người (34,1%). Trong khi đó thì số lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động ở Việt Nam chiếm 45,5% tổng số lực lượng lao động của cả nước (tương đương 22,1 triệu người). Đến hết quý III năm 2020, do dịch bệnh đã trong tầm kiểm soát, lực lượng lao động đã phục hồi nhanh ở khu vực nông thôn và lao động nữ. Lực lượng lao động tại khu vực nông thôn tăng 3,0% (so với quý trước); lực lượng lao động nữ tăng 4,1%, cao hơn 2,6 điểm phần trăm so với mức tăng của lực lượng lao động nam. Mặc dù kết quả là tăng nhưng lực lượng lao động ở khu vực nông thôn và lao động nữ vẫn giảm so với quý I năm 2020 và cùng kỳ năm trước. Vì vậy, đây vẫn là những nhóm chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất bởi tác động của dịch Covid-19 với mức giảm của lực lượng lao động thuộc hai nhóm này so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 3,2% và 2,3%.

Tính chung năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 54,6 triệu người, giảm 1,2 triệu người so với năm 2019. Trong giai đoạn 2016-2019, trung bình mỗi năm lực lượng lao động tăng 0,8%. Nếu lực lượng lao động năm 2020 duy trì tốc độ tăng như giai đoạn 2016-2019 và không có dịch Covid-19, nền kinh tế Việt Nam sẽ có thêm 1,6 triệu lao động. Nói cách khác, dịch Covid-19 có thể đã tước đi cơ hội tham gia thị trường lao động của 1,6 triệu người.

2.2 Tác động của dịch COVID-19 đến lao động có việc làm

Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu trong những tháng đầu năm 2020. Trong đó, khu vực dịch vụ trong 9 tháng đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011-2020. Trong khu vực dịch vụ, một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm (tháng 9/2020): Bán buôn và bán lẻ tăng 4,98% so với cùng kỳ năm trước (0,54 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,68% (0,4 điểm phần trăm); ngành vận tải, kho bãi giảm 4% (giảm 0,14 điểm phần trăm); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 17,03% (giảm 0,76 điểm phần trăm).

Trong quý IV năm 2020, số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là gần 54,0 triệu người, giảm 945 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 17,6 triệu người, giảm 90,2 nghìn người; ở khu vực nông thôn là 35,9 triệu người, giảm 854,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Quý IV năm 2020 có 20,9 triệu lao động có việc làm phi chính thức, tăng 233 nghìn người so với quý trước và tăng 338,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý IV năm 2020 là 56,2%, giảm 0,8 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, số lao động có việc

làm phi chính thức là 20,3 triệu người, tăng 119,1 nghìn người, số lao động có việc làm chính thức là 15,8 triệu người giảm 21,1 nghìn người so với năm 2019. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức năm 2020 là 56,2%, cao hơn 0,2 điểm phần trăm so với năm 2019.

Tính đến tháng 9 năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến người lao động đang làm việc trong hầu hết các ngành, trong đó một số ngành có tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng lớn như: ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí (88,6%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (81,7%), vận tải kho bãi (79,7%), hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (72,7%), công nghiệp chế biến chế tạo (70,1%), bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô và xe máy (68,5%), giáo dục đào tạo (68,5%), hoạt động kinh doanh bất động sản (67,8%)

Điều này cho thấy đại dịch Covid -19 đã làm cho đa số người lao động, trong số lao động có việc làm đã bị mất việc phải tạm thời rời khỏi thị trường lao động trong thời gian dịch bệnh lây lan, đặc biệt là trong tháng 4 năm 2020 khi các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nghiêm túc và triệt để.

2.3 Tác động của dịch Covid -19 đến thất nghiệp và thiếu việc làm

Đại dịch Covid-19 không chỉ tước đi cơ hội có việc làm chính thức của nhiều người lao động mà còn khiến họ rơi vào tình trạng thiếu việc làm, theo số liệu của Tổng cục thống kê có đến gần 1/2 số lao động thiếu việc làm quý III năm 2020 (trong độ tuổi lao động) hiện đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 49,3%, giảm 26,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,9%, tăng 17,6 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 24,8%, tăng 8,5 điểm phần trăm. Tỷ lệ lao động thiếu việc làm ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,8%, cao gấp 2,2 lần so với khu vực công nghiệp và xây dựng và cao hơn 2,6 lần so với khu vực dịch vụ. Như vậy, tình trạng thiếu việc làm hiện nay không chỉ tập trung ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản mà đang tăng lên ở cả khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tỷ lệ thiếu việc làm càng thấp đối với lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong độ tuổi quý III/2020 là 3,20%; sơ cấp là 2,54%; trung cấp là 1,71%; cao đẳng là 1,59%; đại học trở lên là 1,15%. Đa số những người thiếu việc làm không được đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật càng cao, tỷ lệ thiếu việc làm càng thấp.

Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị có tỉ lệ thất nghiệp là 4,0%, giảm 0,46 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,89 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Đây là tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị cao nhất trong vòng 10 năm qua. Quý III năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là 7,24%, tăng 0,26 điểm phần trăm so với quý trước, tăng 0,51 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước; cao gấp 4,2 lần so với tỷ lệ thất nghiệp của dân số trưởng thành (những người từ 25 tuổi trở lên). Thanh niên khu vực thành thị có tỷ lệ thất nghiệp là 11,29%, tăng 0,2

điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,65 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, nhóm thanh niên có tỉ lệ thất nghiệp khá cao tương ứng là 9,25% và 10,47%

Dữ liệu thống kê về tình hình lao động đã phản ánh những khó khăn và biến động của nền kinh tế nói chung và thị trường lao động Việt Nam nói riêng trong thời gian qua. Những khó khăn này là thách thức rất lớn đối với các nỗ lực của Chính phủ trước chủ trương hoàn thành tốt mục tiêu kép: vừa phát triển kinh tế vừa chiến thắng đại dịch.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG SAU KHỦNG KHOẢNG ĐẠI DỊCH COVID 19

Đại dịch COVID-19 đang càn quét khốc liệt trên phạm vi toàn thế giới, gây nhiều tác động tiêu cực chưa từng có tiền lệ lên nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp để hạn chế rủi ro của dịch bệnh đối với nền kinh tế, bảo đảm tăng trưởng hợp lý, ổn định xã hội, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trong những năm tới, phù hợp với thị trường lao động Việt Nam.

Về phía Nhà nước:

Nhìn chung, do ảnh hưởng đại dịch COVID-19, cầu của nền kinh tế (tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu) bị sụt giảm, từ đó làm suy giảm hoạt động sản xuất và tăng trưởng của nền kinh tế. Các biện pháp của Chính phủ đang triển khai hiện nay chủ yếu hướng tới kích thích tổng cầu và phục hồi sản xuất.

Ngay từ khi đợt dịch đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành các kết luận, nghị quyết, chỉ thị với phương châm “chống dịch như chống giặc”; quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép”: vừa quyết liệt phòng, chống dịch hiệu quả, vừa tập trung phục hồi phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, kiểm soát dịch bệnh là ưu tiên hàng đầu, quan trọng, nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là về tài chính, tiền tệ, an sinh xã hội để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, người lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn của đại dịch Covid -19, nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện chính sách miễn, giảm một số nghĩa vụ thuế đối với một số lĩnh vực, đối tượng chịu thiệt hại nặng nề do đại dịch Covid -19 trong năm 2020. Đồng thời, nghiên cứu đề xây dựng các gói hỗ trợ đặc thù cho nhóm lao động yếu thế, bao gồm lao động nữ và lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật chịu tổn thương bởi diễn biến khó lường của đại dịch Covid -19 nhằm giúp họ sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

Đẩy nhanh việc thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để phục hồi hoạt động kinh tế (theo nghị quyết 42/NQ-CP) của tất cả các ngành, đặc biệt là các ngành chịu ảnh hưởng lớn của dịch Covid -19 như ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn và bán lẻ; dịch vụ lưu trú và ăn uống; vận tải... Bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo

nguồn nhân lực phù hợp với xu thế mới. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người lao động sớm quay trở lại thị trường, bảo đảm đủ lực lượng lao động khi bước vào giai đoạn tăng cường sản xuất, kinh doanh sau dịch. Tập trung hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, đào tạo lại người lao động đáp ứng yêu cầu mới; đẩy mạnh kết nối cung, cầu lao động trong nước, gắn với thị trường lao động quốc tế. Đồng thời cũng hỗ trợ các nhóm lao động, bao gồm lao động chính thức và phi chính thức trong các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh (dân doanh, tư nhân/tổ hợp tác/hợp tác xã). Ngoài ra có thể xem xét và xây dựng các gói hỗ trợ đặc thù cho các nhóm lao động yếu thế (phụ nữ, lao động không có trình độ chuyên môn, lao động ở khu vực kinh tế phi chính thức) để giúp họ có thể có cơ hội tìm kiếm được việc làm tạo thu nhập để có được sự đảm bảo có được một phần tài chính để giúp bản thân họ và gia đình họ vượt qua được thời điểm khó khăn chung của toàn đất nước do tác động của dịch Covid-19.

Nâng cao chất lượng và trình độ người lao động là một giải pháp quan trọng nhằm phát triển nguồn cung cho thị trường hàng hóa sức lao động. Trước hết, cần tập trung phát triển mạnh hệ thống trung học chuyên nghiệp, dạy nghề theo hướng đồng bộ về cơ cấu, ưu tiên các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao như năng lượng, vi điện tử, tự động hóa, công nghệ sinh học... Đồng thời, có các chính sách thu hút nhân tài, đãi ngộ giáo viên, cơ chế ưu đãi đề khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức cá nhân tham gia vào công tác đào tạo, chuyển đổi nghề cho người lao động.

Về phía các doanh nghiệp:

Để thích ứng với đại dịch cộng đồng doanh nghiệp đã nhanh chóng tìm hướng đi mới, thực hiện nhiều giải pháp nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn. Có khoảng 2/3 số doanh nghiệp đã áp dụng ít nhất một trong những giải pháp để cố gắng thích ứng hoạt động sản xuất trong điều kiện bình thường mới.

Doanh nghiệp thể hiện sự “tương thân, tương ái”, hình thức liên kết được nhiều doanh nghiệp áp dụng nhất là cho trả chậm tiền hàng, với 33,3% doanh nghiệp áp dụng; chia sẻ đơn hàng với 7,9%; hàng đổi hàng với 3,8%; cho vay với 2,8% doanh nghiệp áp dụng. Trong hoạt động này, nhóm doanh nghiệp vừa và lớn có mối quan hệ mật thiết giữa các doanh nghiệp hơn nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Doanh nghiệp khu vực công nghiệp và xây dựng có mối liên hệ chặt chẽ nhất với tỷ lệ là 50,1%, tiếp theo là ngành dịch vụ 46,8%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 43,5%.

Doanh nghiệp và người lao động cần nắm bắt nhu cầu lao động của nền kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi phương thức sản xuất đáp ứng yêu cầu mới, luôn sẵn sàng đáp ứng những biến đổi thất thường của nền kinh tế. Các doanh nghiệp cần thay đổi cách thức sắp xếp công việc để bảo vệ sức khỏe của người lao động, vì thế có thể có tác động tới sản lượng.

Doanh nghiệp luôn sẵn sàng tham gia hiệu quả vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đổi mới quy trình và công nghệ sản xuất trong điều kiện bình thường mới của nền kinh tế.

Nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có chuyên gia người nước ngoài và người lao động nước ngoài chịu tác động nặng nề từ COVID-19 khi nguồn cung lao động bị thiếu. Chi phí sử dụng lao động trong thời kỳ này cũng cao hơn khi các doanh nghiệp phải đầu tư thêm khẩu trang, nước sát khuẩn, thực hiện các biện pháp an toàn trong lao động để tránh lây nhiễm vi-rút. Cho nên việc đào tạo lực lượng lao động, đặc biệt đội ngũ lao động trẻ hiện nay là rất quan trọng vì họ chiếm 28,5% lực lượng lao động, tăng cường kỹ năng cho người lao động để lực lượng lao động đáp ứng được nhu cầu lao động trong quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng phù hợp với những thay đổi của thế giới do đại dịch COVID-19 tạo ra.

Việt Nam được cân nhắc mức độ ổn định cao về tỷ giá, tăng trưởng kinh tế cũng như khả năng kiểm soát tốt dịch bệnh. Đại dịch Covid-19 khiến thị trường lao động Việt Nam gặp nhiều sóng gió với hàng triệu người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực do mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập, ... Lần đầu tiên trong 10 năm qua, nền kinh tế Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm nghiêm trọng về số người tham gia thị trường lao động và số người có việc làm. Thu nhập bình quân của người lao động cũng theo đó bị thâm hụt. Các chỉ tiêu về tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm và tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức đều tăng cao trái ngược hẳn với xu thế giảm trong các năm gần đây. Tuy nhiên, với quyết tâm của Chính phủ và sự đồng lòng gắng sức của nhân dân, tình hình lao động việc làm trong những tháng cuối năm 2020 đã được cải thiện đáng kể. Kết quả này góp phần vừa thực hiện mục tiêu phòng chống dịch vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế và phát triển đất nước.

KẾT LUẬN

Sự kết hợp hài hòa giữa lý luận về sức lao động của Mác với thực tiễn thị trường sức lao động ở Việt Nam vừa là nhiệm vụ hàng đầu của nền kinh tế lại vừa là mục tiêu quan trọng nhằm phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, phát triển đội ngũ trí thức, có đủ năng lực để thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đóng góp tích cực nhằm hình thành và phát triển “nền kinh tế tri thức” của Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam đang từng bước phục hồi và phát triển trên với sự điều hành của Chính phủ trong bối cảnh bình thường mới đã thành công bước đầu. Khai thác tối đa thị trường trong nước, đồng thời phòng ngừa, ứng phó với các bất ổn từ bên ngoài, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội, sinh kế, việc làm là những nội dung hết sức cần thiết trong thời gian tới. Là công dân nước Việt Nam cũng như là nạn nhân của Đại dịch Covid 19, em nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc đưa ra các chính sách phù hợp để thích nghi với những khó khăn

do đại dịch gây nên và cả những thay đổi của cuộc sống bình thường mới sau khi kiểm soát được dịch. Chúng ta hãy cùng nhau chung tay đẩy lùi đại dịch, đảm bảo an sinh xã hội cũng như là phát triển nền kinh tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin” của Bộ giáo dục và đào tạo.
2. Tài liệu học tập và bài tập thực hành Kinh tế chính trị Mác – Lenin của Học viện Ngân hàng.
3. Công ty Luật Dương Gia (2020), “Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác với thị trường sức lao động Việt Nam”.
<https://luatduonggia.vn/li-luan-ve-hang-hoa-suc-lao-dong-cua-c-mac-voi-thitruong-suc-lao-dong-thi-truong-lao-dong-o-viet-nam-hien-nay/>
4. Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hương Giang (2021), “Đại dịch Covid-19 tác động đến lao động việc làm ở Việt Nam qua phân tích số liệu thống kê”, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
<https://vass.gov.vn/ngghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Dai-dich-Covid-19-tac-dong-den-lao-dong-viec-lam-o-Viet-Nam-126>
5. Tổng cục thống kê (2020), “Báo cáo tác động của dịch covid-19 đến tình hình lao động, việc làm quý iv và năm 2020”.
<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/bao-cao-tac-dong-cua-dich-covid-19-den-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2020/>
6. Hà Dung (2021), “Đợt dịch Covid-19 lần thứ ba làm tăng đáng kể lao động thiếu việc làm”, báo Nhân dân điện tử.
<https://nhandan.vn/tin-tuc-xa-hoi/dot-dich-covid-19-lan-thu-ba-lam-tang-dang-ke-lao-dong-thieu-viec-lam--642286/>
7. Pgs,ts. Đoàn Minh Huân (2020), “Tác động của đại dịch COVID-19 và một số giải pháp chính sách cho Việt Nam trong giai đoạn tới”, Tạp chí Cộng Sản.
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/819611/tac-dong-cua-dai-dich-covid-19%C2%A0va-mot-so-giai-phap-chinh-sach-cho-viet-nam-trong-giai-doan-toi.aspx#>
8. Nguyễn Bích Lâm (2020), “Đại dịch COVID-19, hệ lụy và giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp”, báo Chính phủ.
<http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Dai-dich-COVID19-he-luy-va-giai-phap-ho-tro-doanh-nghiep/412612.vgp>
9. TS. Bạch Hồng Việt (2020), “Tác động của đại dịch Covid-19 đến tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững ở Việt Nam”, Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
<https://vass.gov.vn/ngghien-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Tac-dong-cua-dai-dich-Covid-19-den-tang-truong-kinh-te-va-phat-trien-ben-vung-o-Viet-Nam-104>